

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 8 năm 2023

"V/v: Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH V**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Tuấn

Ông Lê Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thanh H, sinh năm 1998, có mặt

Nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã Qu, huyện S, tỉnh V.

Nơi ở hiện nay: Khu 1, Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng Th, sinh năm 1996

Nơi cư trú: : thôn Đ, xã Qu, huyện S, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 06/4/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Th nhau ngày 19/10/2017, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu, huyện S, tỉnh V. Sau khi cưới, chị về gia đình anh Th chung sống và làm dâu, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng tháng 4/2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Th chơi bời, cờ bạc dẫn đến chị phải trả nợ nhiều lần, chị đã khuyên bảo anh Th nhưng anh không bỏ, vẫn lún sâu khiến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Từ tháng 4/2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đ, huyện T, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/5/2018; hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị xin được nuôi con và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Hoàng Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 26/7/2023, anh Th trình bày: Anh cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Tháng 5/2022 vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không chăm lo, để ý đến gia đình. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/5/2018; hiện cháu đang ở cùng chị H; Ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị H được ly hôn anh Th. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/5/2018; xác nhận sự tự nguyện cấp

đưỡng nuôi con của anh Th là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu B được 18 tuổi; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị H và anh Th không đề nghị nên không xem xét. Về án phí, chị H, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Đào Thanh H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp con chung”. Bị đơn là anh Lê Hoàng Th có địa chỉ tại thôn Đ, xã Qu, huyện S, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với anh Th là bị đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[2] Nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Đào Thanh H và anh Lê Hoàng Th là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Thái chơi bời không chăm lo đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 6/2022 cho đến nay.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Th mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Bản thân anh Thái cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, đề nghị của chị H xin ly hôn anh Th là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Xét đề nghị về việc giao con chung của chị H và anh Th thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của chị H và anh Th đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên. Chị H và anh Th đều đề nghị để chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do

vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cho chị H nuôi cháu B và xác nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H của anh Th là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị H và anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Đào Thanh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: cho chị Đào Thanh H và anh Lê Hoàng Th được ly hôn.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Gia B, sinh ngày 11/5/2018; hiện cháu đang ở cùng chị H; anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 3.000.000đồng/tháng (kể từ tháng 9/2023) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: chị H và anh Th cùng không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Đào Thanh H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số: 0002746 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Th phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc được niêm yết tại UBND nơi anh Th cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS S;
- UBND xã Qu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp